



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG

Địa chỉ: 169 Hàng Bông - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Điện thoại: 04.9380098 Fax: 04.9380127

Website: ckosc.com.vn
Email: osc@ckosc.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2012

Báo cáo bao gồm

- 1. Báo cáo của Ban Giám đốc**
- 2. Bảng cân đối kế toán**
- 3. Báo cáo kết quả kinh doanh**
- 4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**
- 5. Thuyết minh báo cáo tài chính**

Hà Nội, tháng 01 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG

Số 169 Hàng Bông - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Tel: (84-4) 3 938 0098

Fax: (84-4) 3 938 0127

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

02 - 03

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

04 - 06

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

07

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

08 - 09

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

10-19

7
CÔ
CỔ
HỨNG
ĐẠI TÂY
KIẾ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính quý IV năm 2012

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 78/UBCK-GP ngày 05/12/2007 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Theo Quyết định cấp giấy phép thành lập và hoạt động số 78/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/12/2007 thì vốn điều lệ của Công ty là: **135.000.000.000 VND** (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).

Danh sách cổ đông sáng lập

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân, trụ sở chính của tổ chức	Số cổ phần
1.	Nguyễn Minh Tuấn	37B Vân Hồ 3, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	8,100,000
2.	Nguyễn Minh Thu	37B Vân Hồ 3, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	4,050,000
3.	Ngô Quang Nam	Số 34 Linh Quang, phường Văn Chương, quận Đống Đa, Hà Nội	675,000

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;

Trụ sở Công ty

Công ty có trụ sở chính tại Số 169 Hàng Bông - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Tel: (84-4) 3 938 0098 Fax: (84-4) 3 938 0127

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty quý IV năm 2012 bao gồm:

Hội đồng quản trị

- | | |
|------------------------|----------------------------|
| - Ông Nguyễn Minh Tuấn | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| - Bà Nguyễn Minh Thu | Ủy viên Hội đồng quản trị |
| - Ông Ngô Quang Nam | Ủy viên Hội đồng quản trị |

Ban Tổng Giám đốc

- | | |
|----------------------|-------------------|
| - Ông Ngô Quang Nam | Tổng Giám đốc |
| - Bà Lê Thị Mai | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Hoàng Văn Dũng | Phó Tổng Giám đốc |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính quý IV năm 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty quý IV năm 2012.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban điều hành

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG



Chủ tịch hội đồng quản trị

Nguyễn Minh Tuấn

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG

Số 169 Hàng Bông - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Tel: (84-4) 3 938 0098

Fax: (84-4) 3 938 0127

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2012

Mẫu số B 01 - CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số tại ngày 31/12/2012	Đơn vị tính: VND Số tại ngày 01/01/2012
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		139,546,216,296	132,490,304,939
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		48,640,284,682	9,259,481,845
1	Tiền	111	V.01	48,640,284,682	6,259,481,845
2	Các khoản tương đương tiền	112	V.02	-	3,000,000,000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12,499,242,750	25,580,585,439
1	Đầu tư ngắn hạn	121	V.04	12,787,834,750	29,211,776,936
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(288,592,000)	(3,631,191,497)
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.10	77,573,346,283	96,815,520,811
1	Phải thu của khách hàng	131		211,830,314	211,830,314
2	Trả trước cho người bán	132		27,795,000	5,675,000
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		15,455,619,369	3,255,154,756
5	Các khoản phải thu khác	138		67,535,127,385	93,517,284,895
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(5,657,025,785)	(174,424,154)
IV	Hàng tồn kho	140		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		833,342,581	834,716,844
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		32,014,400	30,198,663
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.08	801,328,181	801,328,181
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		-	3,190,000
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		7,623,535,950	9,984,533,458
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II	Tài sản cố định	220		5,644,444,129	8,486,675,979
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	2,224,562,824	3,316,765,684
-	- Nguyên giá	222		12,924,564,197	12,934,774,197
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10,700,001,373)	(9,618,008,513)
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.06	3,419,881,305	5,169,910,295
-	- Nguyên giá	228		10,080,365,983	10,080,365,983
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6,660,484,678)	(4,910,455,688)
III	Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V	Tài sản dài hạn khác	260		1,979,091,821	1,497,857,479
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.09	1,979,091,821	1,497,857,479
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		270		147,169,752,246	142,474,838,397

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số tại ngày 31/12/2012	Số tại ngày 01/01/2012
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		10,483,277,606	10,033,755,780
I Nợ ngắn hạn	310		10,483,277,606	10,033,755,780
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.07	1,500,000,000	1,983,308,200
2 Phải trả người bán	312		2,074,419,804	2,018,212,087
3 Người mua trả tiền trước	313		-	-
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.08	28,041,365	181,821,361
5 Phải trả người lao động	315		-	-
6 Chi phí phải trả	316	V.11	882,544,844	89,545,576
8 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		-	-
9 Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		1,075,619,500	588,148,600
10 Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
11 Các khoản phải trả, phải nộp khác	328	V.12	4,906,104,276	5,147,081,139
12 Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
13 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		16,547,817	25,638,817
II Nợ dài hạn	330		-	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		136,686,474,640	132,441,082,617
I Vốn chủ sở hữu	410	V.13	136,686,474,640	132,441,082,617
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135,000,000,000	135,000,000,000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4 Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		210,594,401	210,594,401
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1,475,880,239	(2,769,511,784)
11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		147,169,752,246	142,474,838,397

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG

Người lập

Phó TGD tài chính

Chủ tịch hội đồng quản trị

Nguyễn Đăng Sỹ

Lê Thị Mai

Nguyễn Minh Tuấn

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

		Đơn vị tính: VND	
CHỈ TIÊU	Mã số	Số tại ngày 31/12/2012	Số tại ngày 01/01/2012
1 Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
2 Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
3 Tài sản nhận ký cược	003	-	-
4 Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-
5 Ngoại tệ các loại	005	774.76	773.19
6 Chứng khoán lưu ký	006	260,212,070,000	275,780,050,000
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	152,449,370,000	240,276,990,000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	7,835,460,000	9,231,820,000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	142,205,710,000	227,759,030,000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	011	2,408,200,000	3,286,140,000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	30,000,000	25,408,000,000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	30,000,000	25,408,000,000
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022	-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	107,532,700,000	9,887,100,000
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	4,500,000,000	1,000,000,000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	103,032,700,000	8,887,100,000
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	200,000,000	207,960,000
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	200,000,000	207,960,000
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047	-	-
7 Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	50	1,462,550,000	3,410,300,000
7.1 Chứng khoán giao dịch	051	1,432,550,000	3,410,300,000
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	1,432,550,000	3,410,300,000
7.5 Chứng khoán chờ thanh toán	071	-	-
7.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076	-	-
7.7 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	081	30,000,000	-
8 Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
9 Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	-	-
10 Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084	-	-

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG

Người lập

Phó TGD tài chính

Chủ tịch hội đồng quản trị

Nguyễn Đăng Sỹ

Lê Thị Mai

Nguyễn Minh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG
Số 169 Hàng Bông - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Tel: (84-4) 3 938 0098 Fax: (84-4) 3 938 0127

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý IV năm 2012

Mẫu số B 02 - CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý IV năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu	01	4,888,424,269	5,875,479,488	30,718,863,093	30,559,781,682
Trong đó:					
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1	1,108,417,390	1,571,252,988	8,554,671,623	7,089,137,071
Doanh thu hoạt động đầu tư CK, góp vốn	01.2	151,870,000	254,036,000	4,373,941,674	2,658,561,800
Doanh thu khác	01.9	3,628,136,879	4,050,190,500	17,790,249,796	20,812,082,811
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-	-
3 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10	4,888,424,269	5,875,479,488	30,718,863,093	30,559,781,682
4 Chi phí hoạt động kinh doanh	11	6,901,401,871	5,723,837,434	17,422,277,692	29,667,805,449
5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20	(2,012,977,602)	151,642,054	13,296,585,401	891,976,233
6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6,311,502,529	1,231,299,717	9,330,148,206	5,578,021,808
7 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20 - 25}	30	(8,324,480,131)	(1,079,657,663)	3,966,437,195	(4,686,045,575)
8 Thu nhập khác	31	20,875,283	24,152,900	95,624,781	27,166,045
9 Chi phí khác	32	26,800,167	8,953,137	27,042,269	43,081,666
10 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	(5,924,884)	15,199,763	68,582,512	(15,915,621)
11 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	(8,330,405,015)	(1,064,457,900)	4,035,019,707	(4,701,961,196)
12 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	-	-	-	-
13 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
14 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	(8,330,405,015)	(1,064,457,900)	4,035,019,707	(4,701,961,196)
15 Lãi trên cổ phiếu	70	(617)	(79)	299	(348)

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG

Người lập

Nguyễn Đăng Sỹ

Phó TGĐ tài chính

Lê Thị Mai

Chủ tịch hội đồng quản trị



Nguyễn Minh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG

Số 169 Hàng Bông - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Tel: (84-4) 3 938 0098

Fax: (84-4) 3 938 0127

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2012

Mẫu số B03 - CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

quý IV năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh CK					
1 Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01	2,574,857,162	2,013,404,504	10,470,336,406	5,397,575,384
2 Tiền chi từ hoạt động kinh doanh	02	(165,160,435)	(508,517,945)	(1,788,960,362)	(2,412,955,069)
3 Tiền chi nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	05	-	-	(148,479,726)	(551,870,858)
4 Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06	433,965,847,969	730,505,797,003	4,251,044,643,971	2,233,036,425,935
5 Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07	(438,044,883,191)	(721,742,492,944)	(4,221,547,166,596)	(2,234,414,614,115)
6 Tiền thu bán chứng khoán phát hành	08	-	-	-	-
7 Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	09	-	-	-	-
8 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	10	(810,839,881)	(1,779,532,906)	(2,993,884,293)	(2,467,670,372)
9 Tiền chi trả cho người lao động	11	(1,108,065,453)	(763,640,000)	(4,240,228,844)	(3,906,865,837)
10 Tiền chi trả lãi vay	12	(3,607,280,111)	(5,582,500)	(3,911,511,027)	(2,577,596,389)
11 Tiền đã nộp thuế TNDN	13	-	-	-	-
12 Tiền thu khác	14	80,982,156	238,709,808	388,452,153	2,593,609,014
13 Tiền chi khác	15	(364,168,704)	(1,057,187,773)	(2,176,866,458)	(5,493,842,878)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh CK	20	(7,478,710,488)	6,900,957,247	25,096,335,224	(10,797,805,185)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1 Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS DH khác	21	-	-	400,000	(38,000,000)
2 Tiền thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-	-	-
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(18,549,988,800)	(41,204,215,000)	(55,079,244,800)	(163,188,744,778)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	29,835,794,000	28,551,302,000	67,574,152,000	157,475,254,778
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-	-	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-	-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	164,940,517	136,436,572	2,373,973,788	1,629,245,488
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	11,450,745,717	(12,516,476,428)	14,869,280,988	(4,122,244,512)

8

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG

Số 169 Hàng Bông - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Tel: (84-4) 3 938 0098

Fax: (84-4) 3 938 0127

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2012

Mẫu số B03 - CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý IV năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	-	-
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	193,495,000,000	3,723,308,200	227,017,534,000	109,723,308,200
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(198,015,000,000)	(1,740,000,000)	(227,602,347,375)	(107,740,000,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(4,520,000,000)</i>	<i>1,983,308,200</i>	<i>(584,813,375)</i>	<i>1,983,308,200</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(547,964,771)	(3,632,210,981)	39,380,802,837	(12,936,741,497)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	49,188,249,453	12,891,692,826	9,259,481,845	22,195,194,838
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	-	-	-	1,028,504
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	48,640,284,682	9,259,481,845	48,640,284,682	9,259,481,845

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG

Người lập

Phó TGD tài chính

Chủ tịch hội đồng quản trị



Nguyễn Đăng Sỹ

Lê Thị Mai

Nguyễn Minh Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
quý IV năm 2012

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính Quý IV năm 2012 của Công ty CP Chứng khoán Đại Tây Dương (sau đây gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 78/UBCK-GP ngày 05/12/2007 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Công ty có trụ sở chính tại Số 169 Hàng Bông - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Tel: (84-4) 3 938 0098 Fax: (84-4) 3 938 0127

Vốn điều lệ theo Giấy phép điều chỉnh của Công ty là: **135.000.000.000 VND** (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng Việt Nam). Tương đương với 13.500.000 cổ phần.

Đến thời điểm 31/12/2012 cơ cấu cổ đông của Công ty là:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
Nguyễn Minh Tuấn	8,100,000	60.00%
Nguyễn Minh Thu	4,050,000	30.00%
Ngô Quang Nam	675,000	5.00%
Cổ đông khác	675,000	5.00%
Tổng cộng	13,500,000	100.00%

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là tự doanh, tư vấn, môi giới chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 78/UBCK-GP ngày 05/12/2007 của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;

4. Tổng số nhân viên: 37 người

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
quý IV năm 2012
(tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán đối với các Công ty Chứng khoán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền ký quỹ của người đầu tư để thanh toán tiền mua chứng khoán, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

2.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 29/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Nguyên giá TSCĐ HH mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
- Máy móc, thiết bị	03 - 04
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	04

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
quý IV năm 2012
(tiếp theo)

2.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: Phần mềm kế toán, phần mềm thiết kế giao diện và phần mềm giao dịch chứng khoán.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 29/10/2009.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình với thời gian khấu hao như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
- Phần mềm kế toán	03
- Phần mềm thiết kế giao diện	03 - 04
- Phần mềm giao dịch	04 - 07

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán: Theo giá trị mua vào thực tế.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: Theo giá trị tại thời điểm đầu tư.

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ từ 1 - 2 năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 quý IV năm 2012
 (tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền của công ty chứng khoán	43,034,322,165	1,273,673,919
Tiền chờ để thanh toán bù trừ giao dịch CK	5,605,962,517	4,985,807,926
Tổng cộng	48,640,284,682	6,259,481,845

2. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam	-	3,000,000,000
Tổng cộng	-	3,000,000,000

3. Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong Quý IV năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong Quý IV năm 2012	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong Quý IV năm 2012
1. Của Công ty chứng khoán	3,354,504	32,838,509,800
- Cổ phiếu	3,354,504	32,838,509,800
- Trái phiếu	-	-
2. Của người đầu tư	78,775,412	630,802,099,000
- Cổ phiếu	78,775,412	630,802,099,000
- Trái phiếu	-	-
Tổng cộng	82,129,916	663,640,608,800

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
quý IV năm 2012
(tiếp theo)

4. Tình hình đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND				
Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá TT ngày 31/12/2012 (tăng,giảm)	Tổng giá trị theo giá thị trường tại ngày 31/12/2012
I - CK thương mại	-	-	-	-
II - CK đầu tư	1,233,546	12,787,834,811	(288,592,000)	12,499,242,811
- CK sẵn sàng để bán	1,233,546	12,787,834,811	(288,592,000)	12,499,242,811
- CK nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
III - Đầu tư góp vốn	-	-	-	-
IV - Đầu tư tài chính khác	-	-	-	-
Tổng cộng	1,233,546	12,787,834,811	(288,592,000)	12,499,242,811

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
quý IV năm 2012
(tiếp theo)

5. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện quản lý	Cộng
Nguyên giá tài sản cố định			
Số dư đầu kỳ	12,749,114,217	185,659,980	12,934,774,197
Số tăng trong kỳ	14,790,000	-	14,790,000
- Mua sắm mới	14,790,000	-	14,790,000
Số giảm trong kỳ	25,000,000	-	25,000,000
- Thanh lý	25,000,000	-	25,000,000
Số cuối kỳ	12,738,904,217	185,659,980	12,924,564,197
Giá trị đã hao mòn			
Đầu kỳ	9,432,348,533	185,659,980	9,618,008,513
Tăng trong kỳ	1,106,992,860	-	1,106,992,860
Giảm trong kỳ	25,000,000	-	25,000,000
Số cuối kỳ	10,514,341,393	185,659,980	10,700,001,373
Giá trị còn lại			
Đầu kỳ	3,316,765,684	-	3,316,765,684
Cuối kỳ	2,224,562,824	-	2,224,562,824

6. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
Nguyên giá tài sản cố định			
Số dư đầu kỳ	-	10,080,365,983	10,080,365,983
Số tăng trong kỳ	-	-	-
- Mua sắm mới	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý	-	-	-
Số cuối kỳ	-	10,080,365,983	10,080,365,983
Giá trị đã hao mòn			
Đầu kỳ	-	4,910,455,688	4,910,455,688
Tăng trong kỳ	-	1,750,028,990	1,750,028,990
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	6,660,484,678	6,660,484,678
Giá trị còn lại			
Đầu kỳ	-	5,169,910,295	5,169,910,295
Cuối kỳ	-	3,419,881,305	3,419,881,305

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

quý IV năm 2012
 (tiếp theo)

7. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	1,500,000,000	1,983,308,200
Cộng	1,500,000,000	1,983,308,200
8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	26,661,988	32,786,123
Thuế GTGT	1,800,000	152,335,238
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(801,328,181)	(801,328,181)
Cộng	(772,866,193)	(616,206,820)
9. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
- Tiền nộp ban đầu	120,000,000	201,099,596
- Tiền nộp bổ sung	1,466,069,471	1,236,664,358
- Tiền lãi phân bổ hàng năm	393,022,350	60,093,525
Cộng	1,979,091,821	1,497,857,479

18
 ĐN
 5 P
 NG
 TÂY
 18

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG
Số 169 Hàng Bông - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Tel: (84-4) 3 938 0098 Fax: (84-4) 3 938 0127

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý IV năm 2012

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
quý IV năm 2012
(tiếp theo)

10. Các khoản phải thu

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	01/01/2012			Phát sinh trong kỳ		31/12/2012			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Trong đó số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó số quá hạn	Số khó đòi	
1. Phải thu của khách hàng	211,830,314		192,030,314	180,382,903	180,382,903	211,830,314		192,030,314	192,030,314
2. Trả trước cho người bán	5,675,000	-	-	433,677,070	411,557,070	27,795,000	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	3,255,154,756			736,750,754,413	724,550,289,800	15,455,619,369	-	-	-
- Phải thu của TTGDCK	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về GDCK	3,255,154,756	-	-	736,750,754,413	724,550,289,800	15,455,619,369	-	-	-
- Phải thu tổ chức PHCK hoặc BLPCK	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu Trung tâm lưu ký CK	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu thành viên khác.	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4. Phải thu khác.	93,517,284,895	-	-	826,085,312,666	852,067,643,772	67,534,953,789	-	-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	1,000,000			26,800,000	27,800,000	-			
Phải thu hỗ trợ margin	57,156,593,216			399,150,044,571	432,014,123,384	24,292,514,403			
Phải thu hỗ trợ giao dịch chứng khoán	36,350,643,275			426,741,605,606	419,849,635,899	43,242,612,982		10,929,990,942	5,464,995,471
Các khoản phải thu khác	9,048,404			166,862,489	176,084,489	(173,596)			
Tổng cộng	96,989,944,965	-	192,030,314	1,563,450,127,052	1,577,209,873,545	83,230,198,472	-	11,122,021,256	5,657,025,785

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
quý IV năm 2012
(tiếp theo)

11. Chi phí phải trả	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Trích trước phí giao dịch	-	89,545,576
Chi phí bảo trì hệ thống	882,544,844	-
Cộng	882,544,844	89,545,576

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	4,530,343,017	5,013,062,804
Các khoản phải trả, phải nộp khác	375,761,259	134,018,335
Cộng	4,906,104,276	5,147,081,139

13. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	01/01/2012	Phát sinh trong kỳ		31/12/2012
		Tăng	Giảm	
Vốn chủ sở hữu				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135,000,000,000	-	-	135,000,000,000
7. Quỹ đầu tư phát triển	210,594,401	-	-	210,594,401
8. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(2,769,511,784)	4,245,392,023	-	1,475,880,239
Tổng Cộng	132,441,082,617	4,245,392,023	-	136,686,474,640

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG

Số 169 Hàng Bông - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Tel: (84-4) 3 938 0098

Fax: (84-4) 3 938 0127

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2012

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2012

(tiếp theo)

VII. Những thông tin khác**1. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp**

CHỈ TIÊU	Quý IV năm 2012	Quý IV năm 2011
1. Cơ cấu tài sản và vốn		
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản (%)	94.82	91.81
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản (%)	5.18	8.19
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn (%)	7.12	4.72
- Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn (%)	92.88	95.28
2. Khả năng thanh toán		
- Khả năng thanh toán nhanh: (TSNH-HTK)/Nợ ngắn hạn (Lần)	13.31	19.46
- Khả năng thanh toán hiện thời: TSNH/Nợ ngắn hạn (Lần)	13.31	19.46
- Khả năng thanh toán bằng tiền: Tiền và tương đương tiền/ Nợ ngắn hạn (Lần)	4.64	3.53
3. Tỷ suất lợi nhuận		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	-	23.83
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn đầu tư của chủ sở hữu (%)	-	0.63
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (%)	-	0.62

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI TÂY DƯƠNG

Người lập

Phó TGD tài chính

Chủ tịch hội đồng quản trị



Nguyễn Đăng Sỹ



Lê Thị Mai



Nguyễn Minh Tuấn